

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY THÀNH LẬP TỈNH ĐẮK LẮK
(22/11/1904 - 22/11/2024)

*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 108-HD/BTGTU, ngày 28/02/2024
của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)*

I- KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK

1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp Phú Yên và Khánh Hòa; phía Nam giáp Lâm Đồng và Đắk Nông; phía Tây giáp Vương quốc Campuchia; có đường biên giới dài 73 km; diện tích 13.125,37 km².

Đắk Lắk có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế-xã hội, an ninh - quốc phòng. Giao thông có cả đường bộ và đường hàng không ; Quốc lộ 14 nối Đắk Lắk với các tỉnh phía Nam và phía Bắc, là con đường huyết mạch từ Pleiku tỉnh Gia Lai qua trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột xuống tỉnh Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc lộ 26 nối thành phố Buôn Ma Thuột với các huyện Krông Pắc, Ea Kar, M'Đrăk đến tỉnh Khánh Hòa; Quốc lộ 27 nối trung tâm tỉnh với các huyện Cư Kuin, huyện Lắk và thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng). Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột được đầu tư, nâng cấp, thường xuyên đón các đoàn khách quốc tế và trong nước.

Đắk Lắk tuy ở gần đường xích đạo, nhưng điều kiện địa hình đã tạo cho khí hậu mát mẻ, ôn hòa hơn so với nhiều tỉnh khác. Có diện tích đất bazan chiếm trên 1/3 tổng diện tích đất toàn tỉnh, thích hợp với cây công nghiệp và cây lấy gỗ. Đặc biệt cây cà phê, cây cao su, cho năng suất và chất lượng vượt trội so với các vùng khác. Đắk Lắk có diện tích rừng và trữ lượng gỗ lớn, với nhiều loại gỗ quý như: cẩm lai, giáng hương, cẩm xe, trắc, sao, dổi,... Rừng có nhiều loại động, thực vật phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại với số lượng lớn. Đặc biệt có Vườn Quốc gia Yok Đôn và Chư Yang Sin, khu bảo tồn Nam Kar, rộng hàng trăm ngàn héc-ta, là nơi bảo vệ các loại động vật quý hiếm ở nước ta.

Tỉnh Đắk Lắk có nhiều cảnh đẹp và di tích lịch sử, văn hóa như: Hồ Lắk, là hồ tự nhiên nằm ở giữa một thung lũng đẹp và thơ mộng; thác Dray Nur; thác Dray Sáp; thác Krông Kmar; thác Thủy Tiên; thác Dray H'Linh...là những thác nước đẹp, hùng vĩ mà thiên nhiên đã ban tặng cho tỉnh Đắk Lắk; Khu du lịch sinh thái Buôn Đôn với cầu treo mộc mạc nhưng hấp dẫn với khách du lịch trong nước và quốc tế; Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Nhà Đày Buôn Ma Thuột, nơi chứng tích về tội ác của đế quốc, thực dân, thể hiện khí phách kiên cường của các chiến sĩ cộng sản; Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia Đình Lạc Giao, nơi thành lập Ủy ban quân quản thị xã Buôn Ma Thuột... những thắng cảnh và di tích nêu trên đã tạo cho tỉnh Đắk Lắk có một tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch.

2. Đặc điểm về xã hội

Theo kết quả điều tra năm 2019, dân số của tỉnh có 1.869.322 người, đứng đầu khu vực Tây Nguyên và đứng thứ 10 trong cả nước. Số người cư trú ở khu vực thành thị là 462.013 và khu vực nông thôn là 1.407.309 người. Mật độ dân số bình quân chung của toàn tỉnh là 143,5 người/km² (tăng 10,86 người/km² so với năm 2009). Trong 10 năm (2009 - 2019), tỷ lệ tăng dân số bình quân toàn tỉnh là 0,75%/năm, thấp hơn tỷ lệ tăng dân số bình quân năm của cả nước (1,145%). Dân số tỉnh phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, thị trấn ven các trục Quốc lộ 14, 26, 27 chạy qua như Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar... Các huyện có mật độ dân số thấp: Lắk, Krông Bông, M'Đrăk, Buôn Đôn...

Trên địa bàn tỉnh, ngoài các dân tộc thiểu số tại chỗ còn có số đông dân di cư từ các tỉnh phía Bắc và miền Trung đến Đắk Lắk sinh cơ lập nghiệp. Trong những năm gần đây, dân số của Đắk Lắk có biến động do tăng cơ học, chủ yếu là di dân tự do, điều này đã gây nên sức ép lớn cho tỉnh về giải quyết đất ở, đất sản xuất và các vấn đề xã hội, an ninh trật tự và môi trường sinh thái.

Đắk Lắk có nền văn hóa lâu đời và đặc sắc, văn học dân gian phát triển sớm với nhiều thể loại: Truyện thần thoại, truyện cười, cổ tích, ngụ ngôn,... tiêu biểu sâu sắc cho cách nhìn, cách hiểu, những cảm xúc, tâm tư hoài bão của đồng bào các dân tộc. Những bản sử thi như Trường ca Đam San, Xing Nhã, Đam Kteh... không chỉ là niềm tự hào của nhân dân Đắk Lắk - Tây Nguyên, mà còn là những viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, công chiêng ở Đắk Lắk nói riêng, Tây Nguyên nói chung là di sản quý báu của đồng bào các dân tộc thiểu số và đã được Tổ chức Văn hóa - Khoa học - Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản phi vật thể của nhân loại (25/11/2005).

Có thể khẳng định, trong suốt chiều dài lịch sử 120 năm hình thành và phát triển, đồng bào các dân tộc đã đoàn kết, chung lưng, đấu cật, ứng phó với thiên nhiên, vượt qua mọi khó khăn thử thách để vươn lên trong cuộc sống. Từ một vùng đất hoang sơ, nhưng với đức tính cần cù, lao động sáng tạo, tinh thần đoàn kết, nhân dân các dân tộc từ thế hệ này qua thế hệ khác đã chung tay xây dựng tạo nên một tỉnh Đắk Lắk trù phú và tươi đẹp như ngày hôm nay.

II- LỊCH SỬ HÌNH THÀNH TỈNH ĐẮK LẮK ¹

1. Giai đoạn trước năm 1904

Theo các tài liệu khảo cổ học, con người xuất hiện trên vùng Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng từ hàng nghìn năm trước. Một khoảng thời gian dài sau Công nguyên, trên địa bàn Tây Nguyên đã diễn ra tranh chấp giữa các thế lực lân bang như: Phù Nam, Chămpa, Chân Lạp, Ai Lao, Xiêm La. Trong đó, sự phát triển của nhà nước Chămpa (Lâm Ấp, Chiêm Thành) đã có sự tác động sâu sắc đến vùng

¹ Theo Địa chí Đắk Lắk, NXB Khoa học Xã hội - 2015, Tr 36 - 39; Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (1930 - 2020).

đất này. Đến Thời Lê sơ, tháng 8 năm Hồng Đức thứ 1 (1470), vua Chiêm Thành là Trà Toàn đem quân cướp Châu Hóa; tháng 12, vua Lê Thánh Tông cho quân đóng ở thành Thuận Hóa, rồi tiến quân chiếm thành Chà Bàn, bắt sống được Trà Toàn (tháng 12/1471). Sau sự kiện này, quân Chăm-pa buộc phải rút khỏi Tây Nguyên; nhận thức được tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên, nhà nước phong kiến Lê sơ đã sáp nhập toàn bộ vùng đất này vào lãnh thổ của Đại Việt (năm 1471).

Sau khi triều Nguyễn được thành lập vào đầu thế kỷ XIX, quan hệ giữa các tộc người ở Tây Nguyên và Đăk Lăk nói riêng với chính quyền nhà Nguyễn có bước phát triển mới tích cực; triều đình nhà Nguyễn đã xây dựng phòng tuyến biên giới Tây Nam khỏi sự uy hiếp của các cánh quân xâm lược. Tuy nhiên, do những sai lầm nghiêm trọng trong việc thực hiện chính sách quản lý vùng đất này, triều đình nhà Nguyễn đã để vùng Tây Nguyên có lúc rơi vào sự cai trị của nhà nước phong kiến Xiêm.

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, sau khi dập tắt được phong trào Cần Vương, thực dân Pháp đã cử các phái đoàn lên Tây Nguyên điều tra, khảo sát tình hình dưới các hình thức truyền đạo hoặc nghiên cứu dân tộc học. Cũng từ đó, không ít lần Pháp đã đưa quân đội lên Tây Nguyên với ý đồ chiếm đóng vùng đất này. Đến năm 1893, chính quyền phong kiến Xiêm buộc phải thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp trên bờ tả ngạn sông Mêkông. Sau đó, triều đình nhà Nguyễn cũng buộc phải chấp nhận để Pháp toàn quyền cai trị vùng cao nguyên Trung phần (từ 1899), Tây Nguyên trở thành vùng đất thuộc quyền cai trị trực tiếp của thực dân Pháp.

Ngày 31/01/1899, Toàn quyền Đông Dương đã ban hành Nghị định thành lập cơ sở hành chính tại Bản Đôn (trực thuộc nước Lào). Ngày 02/11/1899, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập Đại lý hành chính Đăk Lăk đặt trụ sở tại Buôn Ma Thuột (trực thuộc nước Lào). Ngày 22/11/1904, trước phong trào đấu tranh bền bỉ và quyết liệt của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên và sức ép của triều đình nhà Nguyễn, Toàn quyền Đông Dương buộc phải ban hành Nghị định thành lập một tỉnh mới đặt dưới quyền hành chính và chính trị của Khâm sứ Trung kỳ lấy tên là tỉnh Đăk Lăk. Địa bàn tỉnh Đăk Lăk bao gồm các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú tại phía Tây các tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà. Sau khi thực dân Pháp thành lập các tỉnh Kon Tum và Đồng Nai Thượng thì cương vực của tỉnh Đăk Lăk như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, phía Nam giáp tỉnh Đồng Nai thượng và phía Tây giáp Campuchia.

Như vậy, với Nghị định ngày 22/11/1904, Đăk Lăk chính thức trở thành một trong 20 tỉnh Trung kỳ và một trong 73 tỉnh, thành phố Việt Nam thời Pháp thuộc. Sự kiện này mang tính pháp lý, xác nhận chủ quyền lãnh thổ quốc gia trọn vẹn của Việt Nam, cột mốc đánh dấu sự thành lập tỉnh Đăk Lăk.

2. Giai đoạn từ năm 1904 đến năm 1945

Ngày 09/02/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Kon Tum (trước là đại lý Kon Tum trực thuộc Tòa công sứ Quy Nhơn), bao gồm Đại lý

Kon Tum tách khỏi tỉnh Bình Định, Đại lý Cheo Reo tách từ tỉnh Phú Yên và Đại lý Đăk Lăk.

Ngày 02/7/1923, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách Đại lý Đăk Lăk khỏi tỉnh Kon Tum để thành một tỉnh độc lập. Lúc mới thành lập, tỉnh chưa được chia thành các huyện, tổng mà chỉ có đơn vị làng dựa theo các buôn làng có sẵn của các dân tộc thiểu số, bao gồm: người Êđê có 151 làng, người Bih có 24 làng, người Gia Rai có 11 làng, người Krung có 28 làng, người M'dhur có 120 làng, người Mnông có 117 làng, người Xiêm 1 làng. Đến năm 1930, tỉnh Đăk Lăk được chia thành 4 khu (secteur): Buôn Ma Thuột (tỉnh lỵ), Mnông (bờ trái sông Sêrêpôk), Buôn Phyl và M'Léang. Năm 1931, trong cuộc cải cách hành chính toàn Đông Dương, địa bàn tỉnh Đăk Lăk được chia thành 5 quận là Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Đăk Song, Lăk và M'Đrăk; tỉnh lỵ đóng tại Buôn Ma Thuột.

Ngày 09/4/1934, Khâm sứ Trung Kỳ ban hành Nghị định chia Đăk Lăk thành 24 tổng (carton), đứng đầu các tổng là Cai tổng. Theo số liệu thống kê năm 1936 (Annuaire Statistique de L'Indochine), tỉnh Đăk Lăk có diện tích 21.300km², dân số 106.000 người, bao gồm 30 tổng, 576 xã.

Ngày 06/01/1942, Khâm sứ Trung Kỳ ra Nghị định số 3268 chia Đăk Lăk thành 3 quận (Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Lăk), 2 đại lý (M'Đrăk, Đăk Dam).

3. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975

Về phía ta: Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Về hành chính, cả nước được chia thành 3 bộ (Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ) với 73 đơn vị hành chính cấp tỉnh (thành phố, khu đặc biệt). Tỉnh Đăk Lăk thuộc Trung Bộ. Sau đó, để thống nhất chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tỉnh Đăk Lăk được đặt thuộc Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ.

Sau Hiệp định Giơnevơ, từ năm 1954 - 1960, Đăk Lăk trực thuộc Quân khu V, gồm 7 huyện, thị xã là M'Đrăk, đông Cheo Reo, tây Cheo Reo, Buôn Hồ, Lăk, Đăk Mil và thị xã Buôn Ma Thuột. Để tăng cường sự chỉ đạo đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các địa bàn phía nam tỉnh Đăk Lăk, đầu năm 1960, Liên Khu ủy V quyết định chia tỉnh Đăk Lăk ra làm 4 đơn vị riêng: B3, B4, B5, B6. B3 (bắc Đăk Lăk) bao gồm 4 huyện: M'Đrăk, đông Cheo Reo, tây Cheo Reo và Buôn Hồ; B4 (Quảng Đức) gồm các huyện Đăk Mil, Đức Xuyên của Đăk Lăk và Khiêm Đức, Kiên Đức của Lâm Đồng và Phước Long. B5 bao gồm huyện Lăk và một số vùng bắc Lạc Dương, Đức Trọng, một số làng thuộc Đức Xuyên và một số làng nam đường 21. B6 gồm có 3 huyện nông thôn (ven thị xã) và thị xã Buôn Ma Thuột, hai huyện bắc và nam thị xã với mật danh K61, K62, một huyện phía tây thị xã gọi là K63 gồm toàn bộ phía Bắc và phần lớn phía nam huyện Đăk Mil (Đức Lập). Thị xã Buôn Ma Thuột (chủ yếu là nội thị) gọi là K64.

Tháng 6/1963, thi hành Chỉ thị của Khu ủy VI, Đăk Lăk điều chỉnh lại địa bàn chỉ đạo, giải thể đơn vị B6, sáp nhập thị xã Buôn Ma Thuột và vùng nông thôn phía nam thị xã (K62) và B5 thành đơn vị tỉnh B5 mới (nam Đăk Lăk) có phạm vi

rộng lớn hơn gồm 5 vùng nông thôn, mỗi vùng có ban cán sự vùng chỉ đạo và thị xã Buôn Ma Thuột. Tháng 10/1963, để thống nhất chỉ đạo trong nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa và đường hành lang, Khu ủy VI quyết định sáp nhập tỉnh Quảng Đức vào Đắk Lắk.

Tháng 10/1965, trước những chuyển biến của phong trào cách mạng tại Đắk Lắk, Khu ủy quyết định giải thể Liên tỉnh ủy B3, B5, đồng thời hợp nhất các đơn vị thành tỉnh Đắk Lắk, đặt dưới sự chỉ đạo của Khu ủy V. Tỉnh Đắk Lắk lúc này gồm: vùng M'Đrăk mang mật danh H1 (huyện 1), vùng đông Cheo Reo (H2), vùng tây Cheo Reo (H3), vùng đông Buôn Hồ (H4), vùng tây Buôn Hồ (H5), vùng Buôn Ma Thuột (H6), vùng Phú Bôn thuộc đông Cheo Reo (H7- sau nhập với H3 thành H37), vùng nam đường 21 (H8), vùng Krông Bông (H9), vùng Lắk (H10).

Đến đầu năm 1975, tỉnh Đắk Lắk có 2 thị xã là Buôn Ma Thuột và Cheo Reo, cùng 9 huyện theo thứ tự từ H1 đến H11 (gần như tương ứng với địa giới các quận, thị của đối phương). Đó là huyện H1 (M'Đrăk - Khánh Dương), H2 (đông Cheo Reo - Phú Túc), H3 (tây Cheo Reo - Phú Nhơn, Phú Thiện, Thuận Mẫn), H4 (Buôn Hồ, đông đường 14), H5 (gồm phía bắc Buôn Ma Thuột và tây Buôn Hồ), H6 (thị xã Buôn Ma Thuột), H7 (thị xã Cheo Reo, có lúc nhập với tây Cheo Reo gọi là H37), H8 (Đắk Mil - Đức Lập), H9 (vùng Krông Bông - huyện căn cứ của tỉnh), H10 (Huyện Lắk - Lạc Thiện), H11 (vùng Krông Pắc - Phước An). Từ đó, địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk tương đối ổn định cho đến ngày được hoàn toàn giải phóng.

4. Giai đoạn từ sau năm 1975 đến nay (năm 2024)

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), chính quyền cách mạng tỉnh Đắk Lắk tạm thời sắp xếp lại các đơn vị hành chính trong tỉnh. Đầu năm 1976, theo chủ trương của Trung ương hai tỉnh Đắk Lắk và Quảng Đức được sáp nhập thành tỉnh Đắk Lắk. Địa bàn các huyện cùng danh xưng cũng được thay đổi. Lúc này, toàn tỉnh có 5 huyện (Krông Búk, Krông Pắc, Đắk Mil, Đắk Nông, Lắk) và thị xã tỉnh lỵ Buôn Ma Thuột. Việc sắp xếp điều chỉnh các đơn vị hành chính trong phạm vi tỉnh diễn ra liên tục, theo đà tăng dân số.

Ngày 30/8/1977, Chính phủ ban hành Quyết định số 230-CP, chia huyện Krông Búk thành 2 huyện, huyện mới lấy tên là Ea Súp; chia huyện Krông Pắc thành 2 huyện, huyện mới lấy tên là M'Đrăk.

Ngày 03/4/1980, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 110-CP, chia tách huyện Krông Búk thành 2 huyện, huyện mới lấy tên là Ea H'Leo.

Ngày 19/9/1981, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 75-HĐPT, thành lập hai huyện mới là huyện Krông Ana và huyện Krông Bông.

Ngày 17/1/1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 15-HĐBT chia huyện Ea Súp để lập huyện mới Cư M'Gar.

Ngày 22/2/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 19-HĐBT chia huyện Đắk Nông để thành lập thêm huyện mới Đắk R'Lấp.

Ngày 10/9/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 108-HĐBT tách một số xã của huyện Krông Pắc và huyện M'Đrăk để thành lập huyện mới Ea Kar.

Ngày 09/11/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 212/HĐBT thành lập 2 huyện mới là Krông Năng và Krông Nô.

Ngày 19/6/1990, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 227-HĐBT tách 5 xã của thị xã Buôn Ma Thuột và toàn bộ diện tích lâm nghiệp của xã Đăk Lao thuộc huyện Đăk Mil để thành lập huyện Cư Jút.

Ngày 21/1/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 08-CP, thành lập thành phố Buôn Ma Thuột, chuyển thị xã Buôn Ma Thuột thành thành phố.

Ngày 07/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 62-CP thành lập huyện mới Buôn Đôn.

Đến 2003, toàn tỉnh có 18 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 17 huyện) gồm thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện: Đăk R'lấp, Đăk Nông, Đăk Mil, Ea Súp, Cư M'gar, Krông Ana, Cư Jút, Krông Nô, Krông Pắc, Ea Kar, Lăk, Krông Bông, Ea H'Leo, Krông Búk, Krông Năng, M'Đrăk, Buôn Đôn.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên, ngày 26/11/2003, Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 22/2003/QH11 về việc chia tách tỉnh Đăk Lăk thành hai tỉnh Đăk Lăk và Đăk Nông.

Sau khi tách tỉnh, Đăk Lăk có diện tích tự nhiên 13.125,37 km² với dân số 1.666.854 người. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và Đăk Nông, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, phía Tây giáp tỉnh Mondulhiri (Campuchia), có đường biên giới dài 73km. Toàn tỉnh có 13 huyện, thành phố: thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện Krông Búk, Ea Kar, Krông Ana, Ea Súp, Buôn Đôn, Lăk, M'Đrăk, Krông Pắc, Ea H'Leo, Krông Bông, Cư M'gar, Krông Năng; với 165 đơn vị hành chính cấp xã, 2.129 thôn, buôn, tổ dân phố.

Ngày 28/2/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 38/2005/QĐ-TTg nâng cấp thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị loại II.

Ngày 27/8/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 137/2007/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính huyện Krông Ana để thành lập huyện Cư Kuin.

Ngày 23/12/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã thuộc huyện Krông Búk; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Krông Búk để thành lập thị xã Buôn Hồ.

Ngày 08/2/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 288/QĐ-TTg công nhận thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị loại I, trực thuộc tỉnh.

Như vậy, đến nay (năm 2024), tỉnh Đăk Lăk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và các huyện: Cư M'gar, Krông Búk, Ea H'Leo, Krông Năng, Krông Pắc, Ea Kar, M'Đrăk, Krông Bông, Lăk, Cư Kuin, Krông Ana, Buôn Đôn, Ea Súp ; có 184 đơn vị hành chính cấp xã (20 phường, 12 thị trấn, 152 xã).

III- CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1904 - 1975) ²

1. Các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp tiêu biểu trước năm 1940 ở Đắk Lắk

1.1. Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Gưh lãnh đạo (1887 - 1913)

N'Trang Gưh là người dân tộc Êđê, tên thật là Y Gưh H'Đóck, sinh năm 1845, tại buôn Căuh Kplang, nay thuộc xã Buôn Căuh (Krông Nô, Đắk Nông). Năm 1887, quân xâm lược Xiêm, Miến Điện được sự hậu thuẫn của thực dân Anh xâm phạm lãnh thổ của Đắk Lắk. N'Trang Gưh đã lãnh đạo 25 buôn, với 600 đồng bào người Bih dũng cảm chặn đánh quân xâm lược, giành chiến thắng oanh liệt, tiêu diệt gần hết quân địch trên cánh đồng buôn Phôk, buôn Tuôr ⁽³⁾, buộc chúng phải rút chạy khỏi Đắk Lắk.

Tháng 3/1900, quân Pháp do tên công sứ Buốc-Gioa (Bourgeois) đánh chiếm các buôn người Bih ở hạ lưu sông Krông Ana và Krông Nô (Krông Knô) bị nghĩa quân N'Trang Gưh bắn chết hụt, buộc phải bỏ chạy khỏi buôn Tuôr. Trước khi bỏ chạy chúng còn đốt trại buôn Tráp, buôn Căuh quê hương của N'Trang Gưh. Năm 1901, sau khi củng cố lực lượng, nghĩa quân đã vượt sông Krông Knô tiến công tiêu diệt toàn bộ lính Pháp tại đồn buôn Tuôr. Sau đó, nghĩa quân lần lượt hạ tiếp các đồn khác của Pháp ở các buôn như Djiêng, Djou, Phity, Tinh...

Từ năm 1901-1913, quân Pháp liên tục mở nhiều cuộc hành quân khá quy mô nhằm tiêu diệt nghĩa quân. Do thế giặc quá mạnh, thủ lĩnh N'Trang Gưh đã kêu gọi nhân dân chuyển buôn vào rừng sâu, bất hợp tác với Pháp. Năm 1914, do trong hàng ngũ nghĩa quân có người phản bội, địa điểm đóng quân của N'Trang Gưh bị tiết lộ nên ông bị thực dân Pháp bắt và giết hại.

1.2. Cuộc khởi nghĩa do Ama Jhao lãnh đạo (1889-1905)

Ama Jhao tên thật là Y Yên Ayũn, sinh năm 1840 tại buôn Tung (Có tài liệu cho là buôn Kô Tam, thành phố Buôn Ma Thuột). Ama Jhao là một tù trưởng giàu có, uy tín của ông nổi lên mạnh mẽ và lan sang những vùng khác. Nhận thấy tầm ảnh hưởng to lớn của Ama Jhao, thực dân Pháp đã tìm mọi cách lôi kéo, hăm dọa, nhưng Ama Jhao vẫn phản kháng và quyết tâm chuẩn bị khởi nghĩa.

Năm 1890, Ama Jhao tổ chức mai phục một toán quân Pháp trên đường từ Củng Sơn (huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên) tiến lên chiếm Buôn Ma Thuột. Tại Ea Yông, toán quân này bị nghĩa quân chặn đánh dữ dội, buộc phải rút chạy. Năm 1901, Ama Jhao dẫn đầu một đoàn các tù trưởng, già làng xuống Phú Yên phản đối việc mở đường, tự tiện sáp nhập đất đai của người Êđê vào Lào. Sau đó, Ama Jhao đã tăng cường liên kết với các tù trưởng khác như Ama Gôm, Ama Hap, Ama Dak, Ama Jak chỉ huy, đồng thời hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa khác đang nổi lên lúc

² Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk 1930 -2020.

⁽³⁾ Ở vùng buôn Tráp, huyện Krông Ana hiện nay.

đó của N'Trang Gưh, Ôi H'Mai và MaDla... tạo thành mạng lưới chống Pháp rộng khắp vùng Tây Nguyên, gây cho giặc Pháp rất nhiều khó khăn. Thực dân Pháp treo thưởng cho bất cứ ai giết hoặc chỉ điểm nơi ở của Ama Jhao. Tháng 01/1905, qua tin mật báo, quân Pháp bao vây và bắt được Ama Jhao. Chúng tra tấn ông rất tàn bạo, Ama Jhao mất vào tháng 3-1905.

1.3. Cuộc đấu tranh do Ôi H'Mai và MaDla lãnh đạo (1901-1922)

Ôi H'Mai và MaDla là thủ lĩnh của người Êđê Mdhur vùng M'Đrăk, Cheo Reo, Krông Búk, Krông Pắc, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từ năm 1901-1922.

Trước việc quân Pháp ngang nhiên lập đồn ở buôn của mình, tháng 7-1901, Ôi H'Mai, Ôi H'Phai cùng 40 nghĩa quân tấn công tiêu diệt đồn Ea H'ly, giết chết tên chỉ huy người Pháp và gần hết toán lính khổ xanh. Sau thất bại này, quân Pháp bắt đầu cử những đơn vị lớn hơn tiến hành lùng sục nghĩa quân khắp nơi nhưng không có kết quả. Năm 1905, Ôi H'Mai lâm bệnh và mất ở Ea H'ly. Ôi H'Phai và những người khác tiếp tục chiến đấu đến tháng 3/1909 thì bị địch bắt. Sau khi cuộc khởi nghĩa của Ôi H'Mai và các đồng đội của ông thất bại, MaDla, tù trưởng Buôn MaDla tiếp tục đứng lên lãnh đạo khởi nghĩa, phong trào lan rộng khắp vùng M'Đrăk, xuống Củng Sơn, qua Cheo Reo và phía Krông Pắc. Tháng 6/1920, MaDla bị bắt và giết hại. Phong trào kéo dài đến năm 1922 mới chấm dứt.

1.4. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của giới công chức, viên chức Buôn Ma Thuột (1925-1926)

Y Jút H'Wing là một nhân sĩ trí thức người Êđê, ông sinh năm 1888 tại buôn Kram, xã Ea Tiêu (nay thuộc huyện Cư Kuin, Đắk Lắk). Cha của ông là Y Chăm đã từng tham gia phong trào khởi nghĩa của N'Trang Gưh và bị bắt. Ông học qua các trường sơ học Buôn Ma Thuột, trung học Khải Định. Năm 1916, tốt nghiệp trung học, Y Jút về dạy ở trường Pháp-Êđê ở Buôn Ma Thuột. Đầu năm 1925, Y Jút H'Wing và Y Út Niê bí mật tổ chức ám sát tên công sứ Pháp Léopold Sabatier nhưng không thành công.

Đầu tháng 10/1925, ông lãnh đạo đông đảo học sinh và giáo viên trường Pháp - Êđê biểu tình, viết đơn kiện gửi đến Toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ, Tổng Thanh tra Đông Dương tố cáo những hành vi tội ác của Léopold Sabatier (L.Sabatier). Kết quả là chính quyền thực dân buộc phải chuyển L.Sabatier khỏi Đắk Lắk và ít lâu sau trả L.Sabatier về nước.

1.5. Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Long lãnh đạo (1912-1935)

N'Trang Long sinh năm 1870 là tù trưởng của làng Bu N'Trang, nay thuộc địa bàn xã Đắk R'tít, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Trước cảnh thực dân Pháp xâm lược, áp bức buôn làng, N'Trang Long đã đứng lên tập hợp lực lượng khởi nghĩa, có lúc lực lượng nghĩa quân lên đến 5.000 người, thanh thế của N'Trang Long vang dội khắp miền Nam Tây Nguyên.

Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Long lãnh đạo kéo dài từ năm 1912-1935, ông cùng nghĩa quân đã ghi bao chiến công oanh liệt, tấn công và làm vô hiệu hóa nhiều đồn bốt của địch, tiêu diệt hàng trăm lính Pháp, trong đó có những tên sĩ

quan sừng sỏ như Henri Maitre, Trul Fet, Gatille, Margad, Levily More, Leconte... giải phóng vùng cao nguyên M'Nông rộng lớn.

Giữa tháng 5/1935, quân Pháp tập trung lực lượng lớn, từ ba hướng Thủ Dầu Một đánh lên, từ Campuchia đánh sang, từ Đắc Lắc đánh xuống, tập trung tiến công đại bản doanh của nghĩa quân. Liên tục bị vây hãm, một số tù trưởng đầu hàng, một số khác hy sinh hoặc bị bắt. Lương thực, vũ khí, quân số của nghĩa quân tại vùng căn cứ Năm Nung thiếu thốn nghiêm trọng. Quân Pháp lập thêm nhiều đồn bốt như đồn Hănggrimét, đồn Boukok và nhiều căn cứ vệ tinh bao vây vùng căn cứ Năm Nung, tiếp tục siết chặt vòng vây đối với nghĩa quân. Trong một trận chiến đấu không cân sức, N'Trang Long bị trọng thương và mất vào cuối tháng 5/1935.

2. Tổng khởi nghĩa thắng lợi, Cách mạng Tháng Tám thành công (1940-1945)

Cuối năm 1940, trước yêu cầu mới của cách mạng, một số tù nhân tại Nhà đày Buôn Ma Thuột đã thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản - chi bộ đầu tiên ra đời tại tỉnh Đắc Lắc. Chi bộ được tổ chức hoạt động, phát triển đội ngũ đảng viên theo Chính cương, Điều lệ của Đảng. Chi bộ xác định những nhiệm vụ cụ thể là: thứ nhất lãnh đạo các hoạt động đấu tranh trong Nhà đày; thứ hai là đào tạo cán bộ cốt cán cho Đảng; thứ ba là các chiến sỹ cộng sản trong chi bộ có trách nhiệm liên hệ với quần chúng nhân dân bên ngoài để tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng; cuối cùng là tổ chức các cuộc vượt ngục để các chiến sỹ cộng sản ra tù trở về lãnh đạo cách mạng.

Với những hoạt động tích cực của các chiến sỹ cộng sản, sức ảnh hưởng của Chi bộ ngày càng mở rộng ra bên ngoài, nhất là thị xã Buôn Ma Thuột. Nhiều cơ sở cách mạng được gây dựng trong bộ máy chính quyền thực dân Pháp, nhiều nhân sỹ, trí thức, công chức là người dân tộc thiểu số làm việc cho chính quyền thực dân đã được những người cộng sản giáo dục, cảm hóa thành những cán bộ cách mạng, theo Đảng, theo Bác Hồ, có uy tín lớn đối với nhân dân các dân tộc Tây Nguyên nói chung, Đắc Lắc nói riêng như các đồng chí Y Blók Êban, Y Bih Alêô, Y Bun Knong (Ama Khê), Y Yôn (Minh Sơn)...

Sự kiện Chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời của tỉnh Đắc Lắc là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tại tỉnh. Từ đây, phong trào cách mạng gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, là yếu tố quyết định để phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển mạnh mẽ, mà đỉnh cao của phong trào đấu tranh là cuộc mít tinh giành chính quyền của hơn 3.000 nhân dân các dân tộc, thanh niên, học sinh, viên chức, nhân sỹ trí thức, lực lượng bảo an binh và đồng bào các dân tộc Êđê, M'Nông, Gia Rai ngày 24/8/1945 góp phần cùng nhân dân cả nước giành được chính quyền trong Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc.

3. Những thắng lợi tiêu biểu của phong trào cách mạng, giai đoạn 1945 - 1975

3.1. Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

Sau khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược, nhân dân các dân tộc Đắc Lắc chỉ có một trăm ngày hoà bình để xây dựng chế độ mới, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh phát huy nhiệt tình cách mạng, thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước để củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng kinh tế, văn hoá - xã hội và an ninh quốc phòng, chống giặc đói, giặc dốt, đồng thời anh dũng chiến đấu chặn từng bước tiến của quân Pháp, góp phần làm phá sản chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, bảo toàn lực lượng để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Sau khi Đắc Lắc bị chiếm đóng, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng cơ sở chính trị trong vùng địch hậu, phát động chiến tranh du kích, từng bước biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta, đi đôi với lãnh đạo hoạt động tác chiến tiêu hao, tiêu diệt địch để phối hợp với các chiến trường.

Đầu năm 1947, theo quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ miền Nam Trung Bộ, Ban Cán sự Đảng tỉnh Đắc Lắc được thành lập với ba đồng chí: Nguyễn Khắc Tính làm Bí thư, Ama Khê, Nguyễn Trọng Ba làm ủy viên. Ban Cán sự Đảng tỉnh Đắc Lắc ra đời, đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào kháng chiến của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, từ đây các cơ quan, chính quyền, các tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang cũng dần được hình thành.

Đến cuối năm 1949, ta đã khôi phục được các cơ quan lãnh đạo về mặt Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, củng cố căn cứ bàn đạp ở phía tây Phú Yên; gây dựng lại cơ sở ở các xã phía Đông bắc huyện M'Đrăk, hai bên bờ sông Ba, ở Cheo Reo từ đèo Tân Á trở xuống, một số xã Đông đường 14 thuộc Buôn Hồ (xã Krông Năng, Krông Búk, Ea Drông, Ea Drăng...). Xây dựng được một số vùng lùm làm căn cứ đứng chân ngay trong vùng địch, hình thành một số vùng tương đối liên hoàn tranh chấp giữa ta và địch.

Liên Khu ủy cũng chú trọng tăng cường cán bộ cho Đắc Lắc, Ban Cán sự tỉnh từ 7 đồng chí tăng lên 11 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí là: Trương Quang Giao, Lê Vụ, Y Wang, Nguyễn Tuấn và Đoàn Khuê.

Trong đợt hoạt động Hè năm 1950, ở hướng Nam Tây Nguyên ta mở chiến dịch Nguyễn Huệ. Trong chiến dịch Nguyễn Huệ, các lực lượng của ta đã đánh địch 15 trận, trong đó có 8 trận lớn, có trận thắng lớn giòn giã như trận Ma Rik, tiêu diệt được 2 chỉ huy Pháp, 14 lính Âu-Phi, 120 lính ngự, làm bị thương và bắt sống gần 60 tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng của địch. Với chiến dịch Nguyễn Huệ ta đã đặt được nền móng đầu tiên cho việc xây dựng một khu du kích, mở đường xây dựng một khu căn cứ địa trên vùng địch hậu Đắc Lắc.

Thời kỳ năm 1951-1953, các lực lượng của ta đã dần lớn mạnh với sự phát triển của các phong trào quần chúng, chiến tranh du kích. Trong chiến dịch Đông-Xuân năm 1953-1954, phối hợp với quân và dân Bắc Tây Nguyên và các chiến trường trong cả nước, quân và dân Đắc Lắc cũng đồng loạt nổ súng tấn công địch,

góp phần đập tan cuộc hành quân Atlante, làm cho một bộ phận quan trọng của kế hoạch Nava thất bại.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 07/5/1954 đã tiếp thêm sức mạnh cho toàn quân, toàn dân trên cả nước, trong đó có quân và dân Đắk Lắk. Phối hợp với các lực lượng ở chiến trường Pleiku, quân ta đã chặn đánh và tiêu diệt quân địch rút chạy ở đèo Cư Drê, cắt đứt đường 14. Cùng với hoạt động quân sự, ta chủ trương đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy. Từ Buôn Hồ, Buôn Ma Thuột, Buôn Đôn, Đắk Mil, Lắk, cơ sở của ta phát triển rất mạnh, phía bắc ta đã bắt liên lạc được với cơ sở tỉnh Gia Lai-Kon Tum (nay là tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum), phía Tây Nam với cơ sở của Đông Campuchia, phía Đông Nam với cơ sở của Lâm Đồng.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, ngày 01/8/1954 là ngày chính thức đình chiến. Tuân thủ những điều khoản đã quy định trong nội dung Hiệp định, tinh cử phái đoàn do đồng chí Nguyễn Khắc Tinh làm trưởng đoàn cùng với phái đoàn đối phương ký vào biên bản bàn giao, tất cả các lực lượng của ta đang hoạt động ở Đắk Lắk đều rút về địa điểm tập kết.

Trải qua 9 năm liên tục chiến đấu, quân và dân Đắk Lắk đã vượt qua nhiều hy sinh, gian khổ, góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược, giải phóng quê hương, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của cả nước.

3.2. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước và chiến thắng Buôn Ma Thuột 10/3/1975

Sau 1954, hòa bình được lập lại ở miền Bắc, trong khi đó ở miền Nam đế quốc Mỹ âm mưu phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, không thi hành các điều khoản trong Hiệp định với mục đích chia cắt nước ta lâu dài và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng.

Sau khi hắt cẳng Pháp, lập nên Chính phủ tay sai Ngô Đình Diệm, đế quốc Mỹ ra sức bình định vùng đất đỏ bazan làm căn cứ xâm chiếm lâu dài. Mỹ - Diệm thực hiện chiến dịch “*tố cộng, diệt cộng*”, đánh phá các buôn làng, dồn đồng bào vào các trại tập trung (ấp chiến lược, ấp tân sinh, khu dinh điền) nhằm tách đồng bào ra khỏi cách mạng. Chúng dựng hàng trăm đồn bốt, tiểu khu, chi khu quân sự, các cụm thông tin liên lạc dày đặc, tạo thành một hệ thống kìm kẹp hết sức man rợ. Ngoài ra, chúng còn lập ra “*nhà đặc trách thương vụ*”, “*phủ đặc ủy thương vụ*”, “*bộ phát triển sắc tộc*”, các sở, ty sắc tộc, xúi giục các phần tử cơ hội, thành lập các tổ chức FULRO để chống phá cách mạng. Đế quốc Mỹ còn thực hiện âm mưu, chính sách chia rẽ dân tộc, miệt thị đồng bào, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, các nghị quyết của Khu ủy, của Tỉnh ủy Đắk Lắk đã được quán triệt sâu rộng đến quần chúng, quân và dân Đắk Lắk đã đoàn kết một lòng đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Từ năm 1954 - 1960, ta chủ trương mở nhiều đợt tấn công nổi dậy giải phóng nông thôn ở khắp các địa bàn trong tỉnh, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang song song

với đấu tranh chính trị, lấy đấu tranh vũ trang làm chủ yếu, nhằm tiêu diệt địch, giành quyền làm chủ núi rừng, củng cố và xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Thừa thắng, lực lượng vũ trang phát động quần chúng nổi dậy xóa bỏ chính quyền địch, giải phóng vùng đông Cheo Reo. Phối hợp với các hoạt động vũ trang, ta đẩy mạnh phát động quần chúng nổi dậy khắp nơi trong tỉnh đánh địch càn quét, phá ấp tân sinh, phá các đồn bót.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân ta mở cuộc tấn công chiến lược vào thị xã Buôn Ma Thuột, đánh chiếm tòa Hành chính tỉnh, Ty ngân khố, Sư bộ 23 nguy, đồn Bảo an, Đài phát thanh, Khu pháo binh, thiết giáp, tập kích vào Sân bay Buôn Ma Thuột.

Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên, đồng bào Buôn Ma Thuột - Đăk Lăk đã kéo 30.000 người ở khắp các buôn làng hẻo lánh đeo băng cờ khẩu hiệu, biểu ngữ kéo về thị xã, thị trấn biểu tình đấu tranh với địch. Kết quả trong đợt tấn công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Đăk Lăk, đã diệt và làm tan rã 2.000 tên địch, bắt 85 tên, có 3 tên Mỹ, đánh gục 01 tiểu đoàn và 01 đại đội, bắn cháy 150 xe quân sự, 13 xe M113, 04 khẩu pháo, 12 kho xăng dầu đạn dược...

Cuối năm 1969 đầu 1970, quân và dân ta đánh 59 trận, diệt 776 tên, phá hủy 20 xe quân sự, bắn rơi 02 máy bay.

Xuân hè 1972 quân ta đánh 337 trận, diệt 1.834 tên. Với ý chí chiến đấu ngoan cường, quân và dân Đăk Lăk đã phối hợp chiến trường toàn quốc, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris ngày 27/01/1973. Hiệp định Paris được ký kết là một bước ngoặt thắng lợi quan trọng của nhân dân ta trong cả nước, quân Mỹ và chư hầu đã rút hết, tạo thuận lợi cho quân dân ta tiếp tục thực hiện Di chúc của Bác Hồ “*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*”. Trong 9 tháng đầu năm 1974 ta mở chiến dịch hè - thu, diệt 6 điểm chốt ở Ea Súp, Phước An, buôn Phung, diệt 1.500 tên, phá hủy 12 xe, thu 64 súng, 13 xe kéo gỗ, 40 máy cưa, diệt một tiểu đoàn Bảo An, giải phóng 600 dân vùng Ea Súp.

Trong những ngày cuối tháng 12/1974, đầu tháng 01/1975, trước tình hình phát triển của cách mạng trong cả nước, Bộ Chính trị triệu tập hội nghị lịch sử, đã quyết định: “*Tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương giành chính quyền về tay nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà*” và quyết định chọn Buôn Ma Thuột làm điểm quyết chiến chiến lược, mở màn cho cuộc tổng tấn công nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam. Việc chọn Buôn Ma Thuột là mục tiêu quyết chiến trong mùa xuân 1975 có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng, là sự kiện có tầm vóc lịch sử to lớn, mở đầu cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Để chuẩn bị giải phóng Buôn Ma Thuột, Trung ương Đảng đã chi viện cho Đăk Lăk Sư đoàn 10, Sư đoàn 316, Trung đoàn 95B, Tiểu đoàn 196 công binh và bộ binh, pháo binh và cùng với quân dân các dân tộc Đăk Lăk đồng loạt nổi dậy

phối hợp tấn công. So sánh tương quan lực lượng lúc bấy giờ, quân ta hơn hẳn quân địch về số lượng, chất lượng và thiết bị, bố trí thế trận liên hoàn và hiểm hóc, hình thành những quả đấm mạnh ở những khu vực tác chiến then chốt của chiến dịch. Được Quân ủy Trung ương và Bộ Tư lệnh trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo, được sự chi viện dồi dào của hậu phương lớn, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị chủ lực và địa phương đều phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm, hăng hái lập công. Về lực lượng của địch trước ngày ta nổ súng có khoảng 10.000 tên cả chủ lực, bảo an, cảnh sát và dân vệ, có Sư đoàn 23 với hàng trăm cố vấn Mỹ và mạng lưới đồn bốt dày đặc kiên cố.

Đi đôi với chuẩn bị tấn công quân sự, việc chuẩn bị lực lượng quần chúng cũng được tiến hành khẩn trương. Tỉnh ủy Đắk Lắk và thị xã Buôn Ma Thuột đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ dân vận, phát động quần chúng áp sát vào thị xã để làm nhiệm vụ tiếp tế, tải thương, dẫn đường liên lạc, làm công tác vận động binh lính, gọi hàng, trình diện phục vụ chiến đấu và nổi dậy của quần chúng.

Phương châm chiến dịch của ta là kiên trì, giữ bí mật, bất ngờ về ý định và lực lượng ta ở khu tác chiến chủ yếu điều động địch vào đúng ý đồ của ta, tạo thế bất ngờ đánh nhanh, thắng nhanh.

Sáng 05/3/1975, Trung đoàn 25 cắt đường 21 (nay là Quốc lộ 26); ngày 08/3/1975, Trung đoàn 48 đánh chiếm quận lỵ Thuận Mãn và căn cứ Cẩm Ga cắt đứt đường 14, diệt 1D bảo an, bắt sống 120 tên, thu 200 súng.

Ngày 09/3/1975, ta đã triển khai lực lượng, cài xong thế chiến lược và chiến dịch kết hợp với chiến trường, ta đánh quận lỵ Đức Lập, nghi binh bao vây đánh vào PleiKu, Kon Tum, cắt đường 19 tạo ra chia cắt Tây Nguyên với đồng bằng, chia cắt phía Nam với phía Bắc, hoàn toàn bao vây, cô lập thị xã Buôn Ma Thuột.

Đúng 02 giờ 03 phút ngày 10/3/1975 cuộc tấn công như bão lửa vào các mục tiêu then chốt Buôn Ma Thuột, đặc công đánh sân bay thị xã, khu kho Mai Hắc Đế, lực lượng bộ binh đánh sân bay Hòa Bình. 15 phút sau, hỏa lực của quân đội ta bắt đầu bắn vào Sư đoàn 23 ngụy. Lợi dụng tiếng súng tấn công dồn dập của các đơn vị đặc công và tiếng nổ của đạn pháo, hỏa tiễn, các đơn vị xe tăng bộ binh cơ giới từ vị trí tập kết vượt sông Sêrêpôk tiến vào chiếm lĩnh trận địa, các đơn vị hình thành 5 mũi tiến công như 5 gọng kìm thắt chặt các mục tiêu của địch trong thị xã Buôn Ma Thuột.

Đến 5 giờ ngày 10/3, quân ta nằm gọn ở tuyến xuất phát sẵn sàng tiến quân vào các mục tiêu. Vào lúc 6 giờ ngày 10/3, các chiến sĩ Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 95B vượt qua khu vực sân bay L19, đánh chiếm Ngã Sáu. 7 giờ 10 phút quân ta áp sát đội hình đánh vào khu pháo binh, khu thiết giáp, hậu cứ tiểu đoàn 1 ngụy. 11 giờ 30 phút chúng ta đánh chiếm Tiểu khu 23 quân y và Sư bộ 23 ngụy làm chủ khu truyền tin, các mũi thọc sâu vào trong căn cứ đầu não của địch ở trong thị xã Buôn Ma Thuột. Tiêu diệt sở chỉ huy kho Mai Hắc Đế, đánh chiếm các đồn Cư Ê Bur, Cư Dluê, ở hướng nam quân ta đánh vào khu hành chính, khu tiếp vận, khu ngân khố, sở thú y, khu cư xá sĩ quan, quận lỵ Hòa Bình. Trong ngày 10/3 địch

dùng 73 lượt máy bay oanh kích, bắn phá ngăn chặn ta, dùng pháo binh và bộ binh phản kích quyết liệt, quân ta bắn rơi sáu máy bay AD6 và diệt nhiều sinh lực địch.

Ngày 11/3, ta tiến công nhiều mục tiêu quan trọng, toàn bộ quân địch ở trong thị xã bị tan rã, ta làm chủ các mục tiêu, bắt gọn đại tá tinh trưởng Đắc Lắc và đại tá sư đoàn phó Sư đoàn 23 nguy. Ngày 12/3, ta tiến quân tiêu diệt căn cứ 45 nguy, đánh địch ở Cư Bao, Đạt Lý, giải phóng Buôn Hồ. Ngày 13/3, ta giải phóng Châu Sơn, diệt địch cứ điểm Cư M'gar phối hợp với bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương tỉnh đánh chiếm và làm chủ quận lỵ Lạc Thiện. Trong khi bộ đội đánh chiếm thị xã, các đội công tác chính trị của tỉnh cũng như các phường trong nội tuyến, phát động quần chúng ổn định tư tưởng, sửa chữa điện nước, làm công tác tiếp quản, thành lập Ủy ban Quân quản ở các địa phương, giữ vững trật tự an ninh, bảo đảm sinh hoạt bình thường cho nhân dân. Ngày 14/3, ta tấn công hậu cứ Trung đoàn 53 khu sân bay Hòa Bình và giải phóng Buôn Đôn. Ngày 17/3, ta đánh nhanh gọn giải phóng Phước An. Ngày 18/3, giải phóng Cư Cúc, thị xã Cheo Reo, tiêu diệt cơ quan hành chính tiểu khu Phú Bổn. Cũng trong ngày 18/3, Ủy ban Quân quản thị xã Buôn Ma Thuột được thành lập ra mắt tại Đình Lạc Giao do đại tá Y Blốc Êban làm Chủ tịch. Ngày 19/3 đến 21/3, quân ta đánh chiếm quận lỵ Khánh Dương truy quét sạch quân địch co cụm ở đây, ta tiêu diệt và làm tan rã Lữ đoàn dù 3 nguy, chiếm lĩnh đèo Phụng Hoàng mở đường cho quân ta tiến xuống tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, Tỉnh ủy đã lãnh đạo các huyện sử dụng lực lượng địa phương phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm, truy quét tàn quân địch. Đến ngày 28/3/1975, tỉnh Đắc Lắc hoàn toàn được giải phóng.

Trong hơn 30 năm đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng bào các dân tộc Đắc Lắc đã kiên cường, anh dũng, một lòng một dạ, rất mực thủy chung và đoàn kết, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã vượt qua nhiều thử thách, khó khăn gian khổ, chịu đựng nhiều tổn thất hy sinh, bền bỉ đấu tranh giành được nhiều thắng lợi to lớn trong từng thời kỳ cách mạng, đã đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng. Từ đây cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Đắc Lắc bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập tự do, hòa bình thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

IV- MỘT SỐ THÀNH TỰU CƠ BẢN SAU 120 NĂM THÀNH LẬP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM XÂY DỰNG TỈNH ĐẮC LẮK GIÀU ĐẸP, BẢN SẮC, VĂN MINH

1. Một số thành tựu trên các lĩnh vực

Sau ngày đất nước được giải phóng (1975), Đắc Lắc với một vùng đất đai rộng lớn, nhưng dân cư và lao động thưa thớt, cơ sở kinh tế hầu như chưa có gì. Tổng sản phẩm xã hội năm 1978 mới chỉ có 197,630 triệu đồng. Năm 1976, vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 16,995 triệu đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội đạt 44,573 triệu đồng; diện tích lúa nước năm 1976 là 8.653 ha, lúa rẫy 50.979 ha, sản

lượng 117.708 tấn. Diện tích cà phê (1978) 8.768 ha, sản lượng 18.282 tấn tươi. Ngành công nghiệp ở Đắk Lắk lúc bấy giờ cũng chỉ có 1 trạm Đielzel ở thị xã Buôn Ma Thuột (công suất trên 1000 KW) và 2 trạm thủy điện: Dray H' Linh 450 KW và Ea Nao 280 KW, chủ yếu phục vụ thắp sáng sinh hoạt; 01 nhà máy cấp nước thị xã Buôn Ma Thuột công suất 5.000m³/ngày đêm cùng một số cơ sở chế biến gỗ. Giao thông đường bộ chủ yếu là 2 trục Quốc lộ 14 và 26 đã bị hư hỏng nặng. Đời sống nhân dân rất khó khăn.

Về y tế, sau giải phóng, đội ngũ y bác sỹ toàn tỉnh chỉ có 155 người, với 12 cơ sở khám chữa bệnh (gồm 03 bệnh viện, 07 bệnh xá, 01 nhà điều dưỡng, 01 trại phong), với 932 giường; Về giáo dục, chỉ có trường 137 trường (115 trường cấp I, 21 trường cấp II, 01 trường cấp III), với 1.260 giáo viên, với 1.409 lớp, 65.000 học sinh; Về thông tin liên lạc, có 25km đường dây điện thoại, 250 máy điện thoại; Về thiết chế văn hóa có 01 thư viện, 01 nhà văn hóa, 10 đội chiếu bóng.

Về hệ thống chính trị, năm 1975, Đảng bộ tỉnh chỉ có 216 tổ chức cơ sở đảng với hơn 2.400 đảng viên. Về quốc phòng - an ninh, sau ngày giải phóng, bên cạnh việc khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại, tỉnh vừa tập trung chăm lo phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, vừa phải đẩy mạnh công tác đấu tranh giải quyết vấn đề FULRO; đồng thời chiến đấu và chiến thắng âm mưu xâm lấn, diệt chủng của bọn Pôn Pốt - Iêng Xary, góp phần bảo vệ vững chắc biên giới và làm tròn nghĩa vụ quốc tế, giúp bạn giải phóng tỉnh Mondunkiri - Campuchia. Về quan hệ đối ngoại, sau giải phóng tỉnh chủ yếu quan hệ, hợp tác với các nước thuộc khối các nước xã hội chủ nghĩa.

Đến nay sau 120 năm hình thành, xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và sự đoàn kết, nỗ lực của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã dành được nhiều thành tựu to lớn và rất quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, tạo ra thế và lực mới cho Đắk Lắk trên chặng đường phát triển tiếp theo.

Tăng trưởng kinh tế đạt khá và đạt được kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch đúng định hướng

Kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng khá (giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,75%/năm; giai đoạn 2021 - 2023 đạt 7,07%/năm); giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đứng đầu khu vực Tây Nguyên. Cơ cấu các ngành kinh tế có sự dịch chuyển tích cực, từng bước giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng ngành dịch vụ, thương mại, công nghiệp - xây dựng. Trong đó: Nông, lâm, thủy sản bình quân tăng 5,95%/năm; công nghiệp - xây dựng bình quân tăng 12,15%/năm; riêng công nghiệp bình quân tăng 20,1%/năm; Dịch vụ bình quân tăng 6,61%/năm; Thuế sản phẩm (*trừ trợ cấp sản phẩm*) bình quân tăng 3,7%/năm.

Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2023 (*GRDP- giá so sánh năm 2010*) ước đạt 60.792,26 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người (*theo giá hiện hành*) ước đạt 62,2 triệu đồng/người. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023 ước đạt 35.744 tỷ đồng, tổng 3 năm 2021 - 2023 ước đạt hơn 112.965 tỷ đồng; tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2023 ước đạt 1.600 triệu USD, tổng 3 năm 2021 - 2023 ước đạt 4.301 triệu USD; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn năm 2023 ước đạt 98.000 tỷ đồng, tổng 03 năm 2021 - 2023 ước đạt 278.347 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch đúng định hướng: Nông, lâm, thủy sản chiếm 36,66%; công nghiệp - xây dựng chiếm 16,78%; dịch vụ chiếm 42,38%; thuế sản phẩm (*trừ trợ cấp sản phẩm*) chiếm 4,18%. *Chương trình xây dựng nông thôn mới* được tập trung triển khai thực hiện; kết quả mang lại từ chương trình giúp bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi, đời sống vật chất tinh thần của người dân dần được nâng cao; lũy kế đến nay có 78/151 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01/15 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân toàn tỉnh đạt 15,93 tiêu chí/xã.

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: tiếp tục phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng khá. Cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được chuyển dịch đúng hướng; đã hình thành được một số khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; việc triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp được quan tâm thực hiện. Đến năm 2023, diện tích lúa toàn tỉnh ước đạt trên 113.900 ha; tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2023 ước đạt 1.318.885 tấn; tổng diện tích cây trồng đạt 679.851 ha, trong đó tổng diện tích cây lâu năm hiện có 355.630 ha, riêng diện tích cà phê niên vụ 2021- 2022 đạt 213.336 ha; tổng đàn gia súc, gia cầm khoảng 14,98 triệu con; thủy sản phát triển cả khai thác và nuôi trồng, sản lượng nuôi trồng ước đạt trên 26.000 tấn, sản lượng khai thác ước đạt 1.700 tấn; công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng.

Ngành công nghiệp từng bước khai thác được tiềm năng, thế mạnh, góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, trong đó công nghiệp sản xuất điện là điểm sáng trong phát triển ngành công nghiệp của tỉnh, toàn tỉnh hiện có 02 dự án điện gió công suất 428,8 MW, 10 dự án điện mặt trời với công suất 1.024 MWp và 5.379 công trình điện mặt trời mái nhà đã phát điện thương mại, với tổng công suất 650,17 MWp. *Hoạt động thương mại - dịch vụ* duy trì tốc độ phát triển, hàng hóa phong phú, thương mại điện tử phát triển, đáp ứng nhu cầu về sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng xã hội; tỉnh đã tổ chức nhiều hội chợ, triển lãm, đặc biệt là tổ chức các kỳ Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động xây dựng, kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng và đạt được những kết quả quan trọng, từng bước đồng bộ với nhiều dự án trọng điểm, góp phần tạo nên diện mạo các đô thị ngày càng khang trang, hiện đại. Đến nay hệ thống giao thông đường bộ, đường không khá thuận lợi với Cảng hàng không Buôn Ma Thuột có công suất phục vụ khoảng 02 triệu hành khách/năm và hệ thống

các đường quốc lộ 14, 26, 27, 29 kết nối Đắk Lắk với các tỉnh trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và cả nước; công trình Tuyến đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột đã được đưa vào sử dụng; hệ thống giao thông đến các huyện, xã ngày càng được cải tạo, nâng cấp, với 100% xã đã có đường ô tô đến trung tâm; chỉ tiêu nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường địa phương cũng tăng lên đáng kể (*đến cuối năm 2023, đường tỉnh tăng lên 96,64%; đường huyện tăng lên 95,14%; đường xã tăng lên 69,96%*). Đặc biệt dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đang được tích cực triển khai, đây là công trình có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đánh thức và phát huy mạnh mẽ các tiềm năng, thế mạnh của hai tỉnh Đắk Lắk và Khánh Hòa. Dự án sau khi hoàn thành sẽ góp phần quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, gắn với tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh của hai tỉnh và khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên...

*Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư được quan tâm triển khai thực hiện, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, dự án tại tỉnh. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 26 dự án FDI, trong đó 22 dự án ngoài khu công nghiệp, với tổng vốn đăng ký 609,2 triệu USD (*ương đương 13.541 tỷ đồng*); 04 dự án trong khu công nghiệp, với tổng vốn đăng ký 73,2 triệu USD (*ương đương 1.692 tỷ đồng*). Hiện nay, tỉnh đang thực hiện 06 dự án ODA với tổng mức đầu tư khoảng 2.325 tỷ đồng.*

Doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển mạnh về số lượng, lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 12.677 doanh nghiệp còn đăng ký hoạt động. Kinh tế tập thể và hợp tác xã (HTX) đã cơ bản được phục hồi và có những chuyển biến tích cực, đến nay toàn tỉnh hiện có 783 HTX, khu vực kinh tế tập thể thu hút 71.000 thành viên, 23.000 lao động thường xuyên. Để tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch về hỗ trợ pháp lý, công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo; tổ chức thành công nhiều hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiếp tục tập trung xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

Hoạt động kinh tế đối ngoại tiếp tục được triển khai, tập trung thực hiện các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế và quảng bá địa phương ở nước ngoài; tăng cường vận động, kêu gọi viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và tăng cường kết nối với các địa phương, tổ chức nước ngoài để triển khai có hiệu quả nội dung các bản ghi nhớ, thỏa thuận đã ký kết. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 45 khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang triển khai thực hiện trên địa bàn, với tổng kinh phí hơn 7,8 triệu USD.

Chất lượng giáo dục, y tế và đời sống văn hóa, tinh thần người dân được nâng lên; an sinh xã hội, các chế độ, chính sách hỗ trợ người có công, công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả

Chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo được triển khai thực hiện có hiệu quả, cơ sở vật chất trường học và trang thiết bị được quan tâm đầu tư, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được nâng cao; phương pháp giáo dục đã có đổi mới. Công tác xã hội hóa giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy được đẩy mạnh đã góp phần hình thành một số cơ sở giáo dục hiện đại. Chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên, học sinh giỏi đoạt giải quốc gia, khu vực đều tăng... Hệ thống các trường đại học, phân hiệu học viện và đại học... từng bước đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, khu vực Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia... Đến năm 2023, toàn tỉnh có 1.006 trường học từ mầm non đến THPT (*trong đó có 329 trường mầm non, 376 trường tiểu học, 241 trường THCS, 60 trường THPT với 15.424 lớp học*); có 01 trung tâm GDTX tỉnh và 15 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện với 175 lớp học; 4 trường Đại học; 06 trường Cao đẳng...

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường thực hiện; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, từng bước đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong khám, chữa bệnh; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, quản lý hoạt động của bệnh viện đã tạo thuận lợi cho người dân và trong công tác quản lý. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được đầu tư, củng cố; cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trạm Y tế được quan tâm đầu tư. Đến năm 2023, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (*cân nặng theo độ tuổi*) giảm còn 17,8%; số giường bệnh/vạn dân đạt 28,5 giường/vạn dân; Tổng số giường bệnh (*không tính giường bệnh trạm y tế*) là 5.080 giường bệnh; số bác sĩ/vạn dân đạt 7,5 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ xã có trạm y tế đạt 100%; tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 92,5%. Triển khai tốt các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em - kế hoạch hóa gia đình, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng. Công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh COVID-19 được triển khai chủ động, đồng bộ, quyết liệt và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa được triển khai tích cực. Hoạt động tổ chức lễ hội đi vào nền nếp, Lễ hội Càphê Buôn Ma Thuột được tổ chức 2 năm 1 lần; một số lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ được phục dựng, trình diễn. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật ngày càng được đổi mới, phong phú về nội dung, hình thức, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Hoạt động bảo vệ, trùng tu, tôn tạo di tích được quan tâm, qua đó, thực hiện tốt vai trò giáo dục văn hóa, lịch sử dân tộc cho Nhân dân địa phương và khách tham quan, du lịch. Đến năm 2023, toàn tỉnh có 43 di tích đã được cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó có 02 di tích quốc gia đặc biệt, 17 di tích quốc gia, 24 di tích cấp tỉnh; có 03 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm Ngữ văn dân gian *Khan (sử thi) của người Êđê* ở tỉnh Đắk Lắk, Tập quán xã hội và tín ngưỡng *Lễ mừng thọ của người M'ông*, huyện Lắk, Ngữ văn dân gian *Lời nói vần của người Êđê*, huyện Cư M'gar. Theo

kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2019, toàn tỉnh có 2.098 bộ chiêng, 5.116 nghệ nhân biết đánh chiêng, 311 nghệ nhân biết chỉnh chiêng, 1.366 nghệ nhân biết chơi các nhạc cụ truyền thống...

Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ngày càng sâu rộng. Đến năm 2023, toàn tỉnh có 14 thư viện (*trong đó có 01 Thư viện tỉnh, 13 thư viện cấp huyện*), riêng Thư viện tỉnh có tổng số vốn tài liệu là 202.376 bản sách, hơn 12.000 tài liệu điện tử, bình quân hàng năm phục vụ trên 327 ngàn lượt bạn đọc. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” tiếp tục phát triển, đến nay toàn tỉnh có 389.948/463.893 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa (đạt 86%); có 1.869/2.199 thôn, buôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa (đạt 85%). Hoạt động thể dục, thể thao phát triển, nhận được sự hưởng ứng tích cực trong cộng đồng; thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất và chuyên môn.

Chuyển đổi số được đẩy mạnh thực hiện ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực; vận hành tốt Trung tâm quản lý, điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC) và Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh... Các dịch vụ công được cung cấp đầy đủ trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo quy định. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi tại các cơ quan nhà nước và các trường THPT; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trong công việc ngày càng được nâng cao, góp phần tiết kiệm chi hành chính và nâng cao hiệu quả xử lý công việc trong nội bộ cơ quan nhà nước trên hệ thống mạng. Lĩnh vực viễn thông, internet tiếp tục phát triển, đến năm 2023, số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt 85%; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 80%; tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed) đạt 25Mbps; tỷ lệ thôn, buôn được phủ sóng di động băng rộng đạt 100%; tỷ lệ phần trăm hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 90%; tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed) đạt 75Mbps; tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đạt 85%.

Công tác lao động, việc làm và các chế độ, chính sách giảm nghèo, người có công được triển khai đầy đủ, kịp thời; an sinh xã hội được đảm bảo, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân. Đến năm 2023, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị khoảng 2,45%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực nông thôn khoảng 1%; tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp giảm còn 58%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 21,57%. Đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội được mở rộng và mức hỗ trợ được nâng lên theo đúng quy định của Nhà nước. Chương trình giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được các ngành, các địa phương tập trung thực hiện. Giai đoạn 2021 - 2023 tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,64 - 1,81%/năm, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân 3,33 - 3,66%/năm. Riêng năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh

giảm 1,75% (từ 10,94% xuống còn 9,19%); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,5% (từ 23,08% xuống còn 19,58%).

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị được củng cố, hoạt động hiệu quả

Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố vững mạnh. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo góp phần ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động đối ngoại, quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng mang lại hiệu quả tích cực. Chính sách dân tộc được tập trung triển khai thực hiện và có nhiều kết quả nổi bật. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đến nay Đảng bộ tỉnh có trên 87.000 đảng viên. Công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng quyết liệt, đồng bộ, toàn diện.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, bản sắc, văn minh, xứng đáng vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên

Trải qua 120 năm xây dựng và phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, vị trí chiến lược quan trọng, Đảng bộ, chính quyền, quân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã và đang tiếp tục hiện thực hóa khát vọng “Xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, từng bước xứng đáng vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên”. Nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc trong tỉnh tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kết luận số 67-KL/TW, ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Nghị quyết số 72/2022/QH15, ngày 15/11/2022 của Quốc hội “về cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng, phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên”; Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 6/10/2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ “về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; huy động lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ưu tiên cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Tập trung lãnh đạo xây dựng Đảng bộ tỉnh và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự tiên phong, gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn

dân tộc, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển trong tình hình mới. Phần đầu đến năm 2050, Đắk Lắk trở thành tỉnh có không gian sinh thái, bản sắc, kết nối sáng tạo, là điểm đến yêu thích, đáng sống. Người dân Đắk Lắk văn minh, thân thiện, hội nhập. Tỉnh có nền kinh tế theo mô hình tăng trưởng xanh, tuần hoàn; quy mô kinh tế vươn lên đứng trong nhóm 25 tỉnh phát triển đứng đầu cả nước.

Với truyền thống đoàn kết, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, hướng đến mục tiêu xây dựng tỉnh Đắk Lắk ngày càng giàu đẹp, văn minh, bản sắc, kế thừa những thành tựu sau 120 năm hình thành và phát triển, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh Đắk Lắk tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, nỗ lực thi đua sáng tạo trong công tác, lao động, sản xuất, học tập, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra, đưa Đắk Lắk phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế, là trung tâm liên kết vùng và cực tăng trưởng chính của toàn vùng Tây Nguyên./.